

Số: **357/2020/QĐST-HNGĐ**

BTL, ngày 22 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 26/6/2008 của Ủy ban nhân dân xã ĐN, huyện TL, thành phố HN (nay là phường ĐN, quận BTL, thành phố HN).

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 335/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Trần Thị Quỳnh N, sinh năm 1985.

HKTT: tập thể Đại học M, phường ĐN, quận BTL, thành phố HN.

Chỗ ở hiện nay: D2202 chung cư M, phường ML, quận HĐ, thành phố HN.

- Anh Trương T, sinh năm 1980.

HKTT: tập thể Đại học M, phường ĐN, quận BTL, thành phố HN.

Chỗ ở hiện nay: số nhà 14, ngõ 59 phố LVH, tổ dân phố 7, phường ĐT, quận BTL, thành phố HN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tình cảm: Chị Trần Thị Quỳnh N và anh Trương T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị Quỳnh N và anh Trương T có 01 (Một) con chung là cháu Trương T, sinh ngày 06/02/2009. Giao con chung là cháu

Trương T cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định thay đổi khác về quyền nuôi con. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 13.000.000đ/tháng kể từ tháng 09/2020.

Anh Trương T có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Trương T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đối thoại thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Quỳnh N và anh Trương T.

- Về con chung: Chị Trần Thị Quỳnh N và anh Trương T có 01 (Một) con chung là cháu Trương T, sinh ngày 06/02/2009. Giao con chung là cháu Trương T cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định thay đổi khác về quyền nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trương T cấp dưỡng nuôi con chung là 13.000.000đ/tháng (Mười ba triệu đồng/Một tháng) kể từ tháng 09/2020 cho đến khi cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Anh Trương T có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị Quỳnh N và anh Trương T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình. Anh Trương T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình. Xác định ông T đã nộp đủ tiền lệ phí theo biên lai số AB/2015/0003788 ngày 08/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận BTL, thành phố HN.

3. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Dương sự;
- VKS nhân dân quận BTL;
- THA DS quận BTL;
- UBND phường ĐN, quận BTL.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thế Vinh